TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HC-ST
Ngày: 20/5/2024
V/v: Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H'Rum Niê và ông Nguyễn Quang Thuân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 245/2023/TLST-HC, ngày 21 tháng 12 năm 2023, về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐST-HC ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐ-ST, ngày 09/5/2024, giữa:

- Người khởi kiện: Bà Mai Thị Ngọc N, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 44 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 01 đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; Địa chỉ: Số 01 đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và ông Võ Quang H – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Địa chỉ: Số 327 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc H; Địa chỉ: Số 15B/23 đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện bà Mai Thị Ngọc N và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Thanh T trình bày:**

Vào năm 2017 bà Mai Thị Ngọc N có nhận chuyển nhượng một thửa đất trồng cây cà phê tại khối H, phường A, thành phố B của vợ chồng ông Lê Minh Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc H. Thửa đất có người gốc do vợ chồng ông Đ, bà H ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30-4 theo hợp đồng liên kết số 06/98/HĐLK ngày 13/3/1998. Diện tích đất liên kết là 4.000m^2, tại đơn vị đội 1, thời hạn của hợp đồng từ năm 1998 đến năm 2008. Khi hai bên chuyển nhượng chỉ viết giấy tay cho nhau, không qua công chứng chứng thực hay báo cho chính quyền địa phương cũng như Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30-4 được biết việc chuyển nhượng này. Sau khi ký hợp đồng bà N đã nhận toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất theo hợp đồng liên kết trên để quản lý, sử dụng cho đến nay, không tranh chấp với ai. Thực tế bà N nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Đ vào năm 2017 nhưng sau này khi bà N được biết về việc Ủy ban thu hồi đất của mình, sợ quyền lợi của mình không được xem xét và do không hiểu biết pháp luật nghe người khác chỉ dẫn nên vào năm 2018 bà N viết lại giấy mua, bán đất đề ngày 20/8/2003 rồi nhờ vợ chồng ông Đ ký xác nhận để làm thủ tục khi nhà nước thu hồi đất của gia đình.

Hợp đồng liên kết trồng cà phê giữa vợ chồng ông Đ với Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30-4 đã hết hạn từ năm 2008 nên từ khi bà N nhận chuyển nhượng đất thì Nông trường 30-4 không thu sản của bà. Cho đến nay bà N vẫn quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất, không tranh chấp với ai. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk đối với bà Huỳnh Thị Ngọc H là sai tên người bị thu hồi đất và không phê duyệt 05 khoản sau: Bồi thường chi phí vào đất còn lại theo khoản 2 Điều 3; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 18; Hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20; Hỗ trợ nhà phục vụ sản xuất theo điểm b khoản 4 Điều 20 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk là xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của hộ gia đình bà Mai Thị Ngọc N, vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho bà Mai Thị Ngọc N. Do việc UBND thành phố xác định tên người được bồi thường, hỗ trợ là bà Huỳnh Thị Ngọc H là không đúng bản chất vụ việc (vì thực tế đã chuyển nhượng), dẫn đến xác định sai tên người được bồi thường, hỗ trợ.

2. Bồi thường chi phí vào đất còn lại theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, vì năm 1998 bà Huỳnh Thị Ngọc H nhận hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Nông trường cao su 30/4 thuộc Công ty cao su Đắk Lắk. Đến ngày 03/7/2017 bà Huỳnh Thị Ngọc H chuyển nhượng lại cho bà Mai Thị Ngọc N sử dụng. Như vậy về nguồn gốc đất là nhận khoán để sản xuất nông nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi hồ sơ không có một trong các loại giấy tờ để chứng minh nhưng thực tế đã có đầu tư vào đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình cụ thể tại địa phương quyết định việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho trường hợp không có giấy tờ chứng minh bằng 10% giá trị tính theo mức giá do UBND tỉnh quy định nhân với diện tích đất thu hồi.

Theo đó, gia đình bà Mai Thị Ngọc N phải được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là: = 10% x 100.000đ/m^2 *(giá đất trồng cây lâu năm theo Bảng giá đất)* x 2.162,8m^2 *(diện tích đất thu hồi)* = 21.628.000 đồng.

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk: Việc chuyển nhượng về bản chất là chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ bà Huỳnh Thị Ngọc H sang qua cho bà Mai Thị Ngọc N đối với Nông trường cao su 30/4 thuộc Công ty cao su Đắk Lắk. Vì vậy khi Nhà nước thu hồi đất thì bà Mai Thị Ngọc N kế thừa quyền, nghĩa vụ như hộ nhận liên kết.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ *(sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ);* Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà Mai Thị Ngọc N sử dụng đất có nguồn gốc nhận liên kết với Nông trường cao su 30/4 thuộc Công ty cao su Đắk Lắk, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất, do đó đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

4. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk:

Áp dụng tại thời điểm phê duyệt Phương án bồi thường tại Quyết định số 11149/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 thì quy định về Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thể hiện qua các căn cứ pháp luật sau: Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật đất đai; Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các quy định trên, gia đình bà Mai Thị Ngọc N đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

5. Hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà Mai Thị Ngọc N đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định để được hưởng khoản hỗ trợ này vì khoản hỗ trợ khác là một hạng mục riêng biệt phải được áp dụng nếu đủ điều kiện theo quy định.

6. Về hỗ trợ về nhà phục vụ sản xuất diện tích 33,62m^2, xây dựng năm 2016 theo điểm b khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk:

Theo Bảng tính bồi thường (trang 14) thì trên khu đất có nhà phục vụ sản xuất diện tích 33,62m^2, xây dựng năm 2016, không được bồi thường, hỗ trợ vì UBND thành phố B cho rằng tại thời điểm tạo lập có bị xử lý ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền (là UBND phường A).

Nội dung này là không đúng, bởi lẽ Biên bản chỉ do Cán bộ địa chính xây dựng lập ghi nhận hiện trạng và có đề nghị tháo dỡ, UBND phường A không thiết lập Biên bản vi phạm và ban hành Quyết định xử lý vi phạm. Mặt khác tại Điều IV của Hợp đồng liên kết có nội dung: "được làm nhà tạm để chăm sóc hoặc canh giữ vườn cây".

Do đó, việc gia đình bà Mai Thị Ngọc N xây dựng nhà phục vụ sản xuất diện tích 33,62m^2, xây dựng năm 2016 là đúng với Hợp đồng nhận khoán, không thuộc trường hợp bị xử lý vi phạm, do đó phải được hỗ trợ theo quy định.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B – Ông Lê Đại T trình bày:**

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc N về xác định tên người được bồi thường:

Nguồn gốc đất: Năm 1988 bà Huỳnh Thị Ngọc H nhận hợp đồng liên kết trồng cà phê với Nông trường cao su - Công ty cao su Đắk Lắk. Đến ngày 04/3/2014 UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất tại Quyết định số 450/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 173 ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su 30/4 giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. (Sau đó sang nhượng lại cho bà Mai Thị Ngọc N không có giấy tờ). Thời gian sử dụng đất năm 1988, diện tích thu hồi là 2162,8m^2.

Trong quá trình cung cấp hồ sơ: Bà N cung cấp giấy tờ mua bán (chuyển nhượng) đất có ký tên hai bên ghi ngày 20/8/2003, nhưng UBND phường cung cấp biên bản ngăn chặn không cho xây dựng nhà tạm đứng tên chính chủ trong Hợp đồng là bà Huỳnh Thị Ngọc H nên Trung tâm phát triển quỹ đất xác định bồi thường cho bà H là đúng quy định.

- Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo Điều 3 Nghị định 47/2014, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 18 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk và khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, thì bà Mai Thị Ngọc N sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của bà Huỳnh Thị Ngọc H không phải trực tiếp Hợp

đồng liên kết với công ty cao su Đắk Lắk nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với những khoản trên.

- Hỗ trợ khác về nhà phục vụ sản xuất, diện tích 33,62m^2: Căn cứ biên bản làm việc ngày 14/4/2016 của Cán bộ địa chính phường A và tổ dân phố H, phường A về việc ngăn chặn bà Huỳnh Thị Ngọc H không cho xây dựng nhà tạm trên đất Nông trường nên không đủ điều kiện hỗ trợ về nhà theo quy định theo điểm c khoản 4 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND mgày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Huỳnh Thị Ngọc H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk đã được UBND thành phố B thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:**

Vào năm 1998 vợ chồng tôi là Lê Minh Đ và Huỳnh Thị Ngọc H có ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30-4 theo hợp đồng liên kết số 06/98/HĐLK ngày 13/3/1998. Diện tích đất liên kết là 4.000m^2, tại đơn vị đội 1, thời hạn của hợp đồng từ năm 1998 đến năm 2008. Sau khi ký kết hợp đồng thì gia đình tôi đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình với Nông trường 30-4 về việc nộp sản hàng năm, đến năm 2008 thì thời hạn hợp đồng đã hết nên Nông trường 30-4 không thu sản của chúng tôi nữa nhưng cũng chưa có quyết định thu hồi thửa đất của chúng tôi, chúng tôi vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất và thu hoa lợi từ tài sản trên đất, chúng tôi cũng không biết thửa đất của mình bị thu hồi vào thời gian nào. Đến năm 2017 do không có nhu cầu sử dụng đất nữa nên vợ chồng tôi đã chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho bà Mai Thị Ngọc N, khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay cho nhau, không qua công chứng chứng thực hay báo cho chính quyền địa phương cũng như Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4 được biết việc chuyển nhượng này. Giấy viết tay chuyển nhượng đất năm 2017 do bà N lưu giữ, chúng tôi không giữ bất cứ giấy tờ gì, sau này bà N có viết lại một giấy mua, bán đất đề ngày 20/8/2003 nhờ vợ chồng tôi ký lại để làm thủ tục liên quan đến thửa đất, chúng tôi cũng không rõ bà N dùng làm thủ tục gì. Sau khi hai bên viết giấy chuyển nhượng thì chúng tôi đã bàn giao toàn bộ thửa đất cùng tài sản trên đất cho bà N quản lý, sử dụng đến nay, chúng tôi không có tranh chấp gì với nhau.

Nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất của Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4, trong đó có cả diện tích đất mà vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho bà Mai Thị Ngọc N vào năm 2017 thì chúng tôi có ý kiến như sau: Đối với thửa đất bị thu hồi chúng tôi đã chuyển nhượng cho bà N từ năm 2017 đến nay không tranh chấp gì với nhau, chúng tôi không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất này nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất thực tế là bà Mai Thị Ngọc N theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 11149/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 (viết tắt Quyết định số 11149) của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Quyết định số 11149 là đối tượng khởi kiện của vụ án, việc khởi kiện trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc N về việc hủy một phần Quyết định số 11149 và xác định lại tên người được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, thấy rằng:

Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 11149: Căn cứ các quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013 thì Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6, mảnh trích đo địa chính số TD21, tổng diện tích 4.899.2m^2 trong đó có 2.162,8m^2 bị thu hồi, có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4 (nay là chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4) ký hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với bà Huỳnh Thị Ngọc H theo hợp đồng liên kết số 06/98/HĐLK ngày 13/3/1998, diện tích 4.000m^2, tại đơn vị đội 1,

thời hạn của hợp đồng từ năm 1998 đến năm 2008. Ngày 04/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thu hồi 173ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su 30/4 giao cho Ủy ban nhân dân thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật, nhưng trên thực tế Quyết định số 450 chưa được thực hiện các hộ dân có đất bị thu hồi vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Đến năm 2017, bà H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho bà Mai Thị Ngọc N quản lý, canh tác sử dụng, không có tranh chấp với ai. Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk, theo đó hộ bà Mai Thị Ngọc N bị thu hồi 2.162,8m^2 đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án (đất nhận chuyển nhượng cho hộ bà Huỳnh Thị Ngọc H). Đến năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Minh Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc H xác định đối với thửa đất bị thu hồi ông bà đã chuyển nhượng cho bà N từ năm 2017 đến nay không tranh chấp gì với nhau, ông bà cũng không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất này nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất thực tế là bà Mai Thị Ngọc N.

Vậy, thực tế tại thời điểm đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi thì hộ bà N đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất, không tranh chấp với ai. Do đó, hộ bà N là đối tượng được xem xét để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, sau khi Quyết định số 11149 được ban hành bà Huỳnh Thị Ngọc H đã ủy quyền cho bà Mai Thị Ngọc N nhận toàn bộ số tiền hỗ trợ, bồi thường theo quyết định trên nên quyền, lợi ích hợp pháp của bà N vẫn được đảm bảo. Xét thấy, không cần thiết phải hủy một phần Quyết định số 11149 của UBND thành phố B.

[2.2] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho hộ bà N đối với các khoản: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022, xét thấy:

Gia đình bà Mai Thị Ngọc N sử dụng đất do nhận chuyển nhượng từ gia đình bà Huỳnh Thị Ngọc H. Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su 30/4 không ký kết hợp đồng liên kết với bà Mai Thị Ngọc N. Bên cạnh đó, hợp đồng liên kết số 06/98/HĐLK ngày 13/3/1998 được ký kết giữa gia đình bà H và Công ty cao su Đắk Lắk đã hết hạn từ năm 2008. Khi hết hạn hợp đồng gia đình bà H không thanh lý hợp đồng, không bàn giao diện tích đất đang quản lý cho Công ty cao su Đắk Lắk mà vẫn tiếp tục khai thác, sử dụng và thu hoa

lợi trên diện tích vườn cây được giao nhưng không nộp sản cho Công ty. Vậy, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa bà H và công ty cao su đã hết hiệu lực, quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã không còn. Đến năm 2017 bà H chuyển nhượng lại cho bà N toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay Công ty cao su xác nhận. Gia đình bà N không phải hộ gia đình sử dụng đất do nhận giao khoán và không thừa kế quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình sử dụng đất do nhận giao khoán từ bà H nữa.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận đối với các yêu cầu về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác áp dụng cho hộ gia đình sử dụng đất do nhận giao khoán là bà Mai Thị Ngọc N.

[2.3] Đối với yêu cầu về hỗ trợ nhà phục vụ sản xuất, xây dựng năm 2016 theo điểm b khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022, HĐXX xét thấy:

Diện tích đất bị thu hồi đã hết hạn hợp đồng từ năm 2008 nên từ sau khi hợp đồng hết hạn bà H không được phép xây dựng các công trình trên đất, việc bà H cố tình xây dựng nhà tạm trên đất là vi phạm mục đích sử dụng đất. Ngày 14/4/2016, khi gia đình bà H xây dựng căn nhà thì Cán bộ địa chính phường A cùng Tổ trưởng tổ dân phố H đã tiến hành lập biên bản làm việc yêu cầu dừng việc xây dựng, hoàn trả hiện trạng ban đầu của thửa đất, nhưng bà H vẫn cố tình xây dựng hoàn thiện căn nhà sau đó chuyển nhượng lại cho bà N là vi phạm quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu về hỗ trợ nhà phục vụ sản xuất xây dựng năm 2016 của bà Mai Thị Ngọc N là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc N.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Mai Thị Ngọc N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 23/11/2023, người khởi kiện bà Mai Thị Ngọc N có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Người khởi kiện bà Mai Thị Ngọc N là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc N về việc: Hủy một phần Quyết định số 11149/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk đối với bà Huỳnh Thị Ngọc H; yêu cầu buộc UBND thành phố B phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà Mai Thị Ngọc N theo quy định, gồm các khoản:

+ Bồi thường chi phí vào đất còn lại theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

+ Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

+ Hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

+ Hỗ trợ về nhà phục vụ sản xuất, diện tích 33,62m^2 xây dựng năm 2016 theo điểm b khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc N được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung